TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày: 10 - 10 - 2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Trọng Tính
2. Ông Nguyễn Duy Khải

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX-ST ngày 06-9-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS ngày 24-9-2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T;

Trụ sở: Số 266-268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Ngọc H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T, Chi nhánh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Thu H - Chức vụ: Phó Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T, Chi nhánh Bình Phước (Có mặt).

2/ *Bị đơn*: Bà Trương Thị L, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 31-12-2014, bà Trương Thị L ký hợp đồng tín dụng số: LD 1436500119 với Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T, Chi nhánh Bình Phước, với nội dung sau: Bà Trương Thị L vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm (chia đều 36 kỳ trả nợ), thời hạn thanh toán nợ cuối cùng ngày 31-12-2017, mục đích vay để tiêu dùng, lãi suất vay 0,85%/tháng, lãi suất nợ quá hạn được xác định tại thời điểm phát sinh và mức tối đa không vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật, hình thức cho vay tín chấp không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà L thanh toán được nợ gốc và lãi đến ngày 30-10-2016. Từ kỳ trả nợ ngày 30-11-2016 trở về sau bà L không thanh toán nợ gốc và nợ lãi mặc dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị L thanh toán số tiền đã vay và lãi suất cụ thể như sau:

Nợ gốc 38.906.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 30-11-2016 đến ngày 30-12-2017 với số tiền là 11.900.000 đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 30-11-2016 đến ngày 09-10-2019 với số tiền là 18.264.941 đồng. Tổng số tiền tính đến ngày 09-10-2019 phải thanh toán là: 69.070.941 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị L vắng mặt nên không có bản lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đại diện nguyên đơn thực hiền đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án từ chối thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng mà không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 299; khoản 7 Điều 323, các Điều 429; Điều 463; 464 và khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Đây là vụ án dân sự tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức có đăng ký kinh doanh, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, bị đơn hiện có địa chỉ và cư trú tại xã R, huyện R, tỉnh Bình Phước. Do đó, Tòa án nhân dân huyện R thụ

lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trương Thị L vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà L đã được tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị L trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc đã vay 38.906.000 đồng. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nguyên đơn cung cấp hợp đồng tín dụng số: LD 1436500119 ngày 31-12-2014 có chữ ký của hai bên. Hơn nữa, sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án bị đơn bà L cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bà Trương Thị L có ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn Ngân hàng để vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng, đã thanh toán được 61.094.000 đồng, số tiền nợ gốc hiện chưa thanh toán là 38.906.000 đồng. Do vậy, cần buộc bà Trương Thị L thanh toán số tiền còn nợ nêu trên cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn. Xét thấy, việc bị đơn ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,85%/tháng, lãi suất nợ quá hạn, nhưng bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Cụ thể,

Lãi trong hạn tính từ ngày 30-11-2016 đến ngày 30-12-2017 với số tiền là 11.900.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 30-11-2016 đến ngày 09-10-2019 với số tiền là 18.264.941 đồng. Tổng số tiền lãi tính đến ngày 09-10-2019 là 30.164.941 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 09-10-2019 là 69.070.941 đồng. Do đó, buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền trên cho nguyên đơn là phù hợp.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 228 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90 và 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng".* Buộc bà Trương Thị L thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T, tổng số tiền là: 69.070.941 đồng (*Sáu mươi chín triệu, không trăm bảy nghìn, chín trăm bốn mươi mốt đồng*). Trong đó, nợ gốc 38.906.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 09-10-2019 là 30.164.941 đồng.

Ngoài ra, bà Trương Thị L còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10-10-2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng ký ngày 31-12-2014 cho đến khi trả hết nợ.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Trương Thị L phải nộp 3.454.000 đồng (*Ba triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng*).

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.600.000 đồng (*Một triệu, sáu trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 026980 ngày 01-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Trương Thị L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện R;
- CC THA DS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)
Ngô Văn Dương